

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2017/HS-ST
Ngày 17-8-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Cường;

2. Bà Nguyễn Hồng Gấm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 206/2017/HSST ngày 17 tháng 7 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2017/HSST-QĐ ngày 04 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1977 tại thành phố H; thường trú: số 67/22A đường H, Phường 5, quận G, Thành phố H; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Võ Thị N, sinh năm 1950; chồng Danh V, sinh năm 1980; có 03 con nhỏ lớn sinh năm 1994, sinh năm 2015; tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Bà Lê Thị Ánh N, sinh năm 1980; thường trú: Số 559A đường ĐT 743 khu phố Đ, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn S, sinh năm 1978; thường trú: Số 559A đường ĐT 743 khu phố Đ, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ ngày 09/4/2017, Nguyễn Thị Ngọc H đón xe buýt từ tổ 5, xã T, huyện C, thành phố H đến ngã tư 550 thuộc phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương để bán vé số. Sau khi xuống xe buýt H nhặt được 01 cái kèm bằng kim loại, 01 cây tuốc nơ vít, 01 cây mỏ lết ở dọc đường. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày H đi ngang qua quán cà phê L, địa chỉ 1149 đường Đ, khu phố Đ phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương do bà Lê Thị Ánh N làm chủ, H phát hiện quán cà phê đóng cửa, không có người trông coi. H kéo tấm tôn hàng rào và chui vào trong quán cà phê dùng kèm kim loại mang theo cạy cửa làm khoen cửa bung ra, H đi vào trong nhà đến mở tủ quần áo thấy một giỏ xách, bên trong có số tiền 3.120.000 đồng. H cầm số tiền này đi ra ngoài thì nhìn thấy chị N và anh Nguyễn S là chồng chị N đi về nên H vào nhà vệ sinh lẫn trốn. Khi vào nhà, chị N và anh S thấy có dấu hiệu bị trộm nên đi tìm thì phát hiện H đang trốn trong nhà vệ sinh trên tay đang cầm số tiền 3.120.000 đồng nên báo công an phường D đến lập biên bản phạm tội quả tang và chuyển giao đến cơ quan cảnh sát điều tra xử lý.

Tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án là số tiền 3.120.000 đồng, đã thu hồi trả lại cho người bị hại.

Vật chứng: 01 cái kèm bằng kim loại, 01 cây tuốc nơ vít, 01 cây mỏ lết.

Tại cáo trạng số 209/QĐ - KSĐT ngày 17 tháng 7 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy 01 cái kèm bằng kim loại, 01 cây tuốc nơ vít, 01 cây mỏ lết.

Tại phiên tòa, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cũng không khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là số tiền 3.120.000 đồng của người bị hại Lê Thị Ánh N. Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự thì “Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”. Như vậy, hành vi trên đây của bị cáo chiếm đoạt tài sản của người bị hại có trị giá 3.120.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản. Cáo trạng số 209/QĐ - KSĐT ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người đã thành niên nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì tham lam tư lợi đã cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tù tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo được xem xét khi quyết định hình phạt: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản đã thu hồi trả lại cho người bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử sẽ xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[6] Về nhân thân: Tại bản án hình sự số 32/HSST ngày 18/3/1994 Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo 9 tháng tù treo, thời gian thử thách là 18 tháng về tội trộm cắp tài sản của công dân; tại bản án số 58/HSST ngày 22/4/1998 Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 10 tháng tù về tội trộm cắp tài sản của công dân, tại bản án số 1149/HSST ngày 15/6/1999 Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 24 tháng tù về tội trộm cắp tài sản của công dân, tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành 34 tháng tù, chấp hành xong hình phạt ngày 03/7/2001; tại bản án số 50/2008/HSST ngày 01/02/2008 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 năm tù về mua bán trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/5/2013. Bị cáo chưa thi hành phần án phí đối với các bản án, tuy nhiên theo giấy xác nhận số 2037 ngày 09/6/2017 và 2848 ngày 14/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh thì đến nay Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp chưa thụ lý hồ sơ của Nguyễn Thị Ngọc H; việc bị cáo chưa nộp tiền án phí là lỗi của cơ quan Nhà nước, cụ thể là Tòa án nhân dân quận Gò Vấp không gửi

bản án có hiệu lực pháp luật cho Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp nên Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp không ban hành quyết định thi hành án theo quy định. Theo quy định tại Điểm c, Khoản 2 Điều 64 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 thì bị cáo chưa được xóa án tích, nhưng căn cứ vào Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015, Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; Điểm c, Khoản 2 Điều 70 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định về thời hạn xóa án tích đối với bản án số 50/2008/HSST ngày 01/02/2008 của bị cáo là 03 năm. Do đó, để nhằm thực hiện các chính sách nhân đạo của pháp luật mới đối với người phạm tội, bị cáo thuộc trường hợp đương nhiên được xóa án tích.

Bị cáo là người không có nghề nghiệp ổn định, trình độ văn hóa thấp, không biết chữ. Tại phiên tòa bị cáo trình bày chồng bị cáo đã chết, hiện một mình bị cáo phải nuôi ba con còn nhỏ dại, vì vậy khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho người bị hại, tại cơ quan điều tra người bị hại không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xử lý vật chứng: Xét 01 cái kèm bằng kim loại, 01 cây tuốc nơ vít, 01 cây mỏ lết thu giữ của bị cáo, không có giá trị sử dụng, căn cứ vào điểm a khoản 1 điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a, khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng điều luật và các tình tiết giảm nhẹ là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Tuy nhiên, hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là nhẹ so với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định tại khoản 1, 2 điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H phạm Tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân Phường 5, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Nguyễn

Thị Ngọc H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án Hình sự.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a, khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 cái kèm bằng kim loại, 01 cây tuốc nơ vít, 01 cây mỏ lết.

(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương).

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Dĩ An;
- Công an thị xã Dĩ An;
- Chi cục THA thị xã Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thắm

